TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/DS-PT
Ngày: 08-6-2023
V/v ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Hữu Chiến.

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Quốc Tuấn;

Ông Nguyễn Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: bà Bùi Minh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Khánh Bình– Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2023/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023; do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 18/2023/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Lý Thị G, sinh năm 1979; trú tại: khu phố L, phường H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Phạm Thanh Đ, Luật sư công tác tại Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- *Bị đơn:* anh Phan Văn T, sinh năm 1978; trú tại: khu phố L, phường H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lý Hồng L, sinh năm 1967.

2. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1970.

3. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1937.

4. Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1975.

5. Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1961.

Các đương sự cùng trú tại: khu phố L, phường H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Ngân hàng Chính sách xã hội.

Địa chỉ: 169 Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Nguyễn Anh H, sinh năm 1971 Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Trảng Bàng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Do có kháng cáo của chị Lý Thị G là nguyên đơn;

NỘI D VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lý Thị G trình bày:

Chị và anh T chung sống với nhau từ năm 2003, đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là phường H). Vợ chồng được mẹ chồng cho đất xây nhà ra riêng tại ấp L, xã H (nay là khu phố L, phường H). Thời gian đầu chung sống chị làm thuê còn anh T làm ruộng, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thiếu nợ, phải bán nhà đất để trả nợ, anh T kêu chị về sống chung với mẹ chồng nhưng do chị với mẹ chồng không hòa hợp nên chị dọn ra sống riêng từ cuối năm 2019 và vợ chồng ly thân đến nay. Từ khi ly thân chị và anh T không ai đặt vấn đề đoàn tụ. Nay chị yêu cầu ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Tuất K, sinh ngày 29-02-2004 hiện đang sống chung với anh T. Cháu K hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên chị không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng khi ly hôn.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là các quyền sử dụng đất sau:

- Quyền sử dụng đất diện tích 1.329 m^2 tọa lạc tại thửa đất số 950, tờ bản đồ số 47, khu phố L, phường H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Quyền sử dụng đất diện tích 2.000 m^2 tọa lạc tại các thửa đất số 614, 834, tờ bản đồ số 40, khu phố L, phường H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Quyền sử dụng đất diện tích 635,9 m^2 tọa lạc tại thửa đất số 1065, tờ bản đồ số 47, khu phố L, phường H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Trên đất có căn nhà chị xây dựng khi ra sống riêng, hàng rào và một số cây do vợ chồng trồng.

- Quyền sử dụng đất diện tích 227,6 m^2 (01 cái đìa) tọa lạc tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 47, khu phố L, phường H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Nguồn gốc các quyền sử dụng đất trên do mẹ chồng là bà Phạm Thị C cho và vợ chồng đã được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị G không yêu cầu giải quyết đối với thửa đất số 24, tờ bản đồ số 47 vì phần này chị và anh T đã cho vợ chồng ông Phan Văn Đ.

Khi ly hôn chị yêu cầu được chia 1/3 giá trị các quyền sử dụng đất tọa lạc tại các thửa đất số 614, 834, tờ bản đồ số 40 và thửa đất số 950, 1065 tờ bản đồ số 47, khu phố L, phường H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh và các tài sản gắn liền với đất, chị yêu cầu được chia bằng tiền, giao toàn bộ tài sản cho anh T được quyền sử dụng. Chị không đồng ý trả lại các quyền sử dụng đất trên cho bà C vì bà C đã tặng cho vợ chồng chị và vợ chồng đã được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hiện chị đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất số 614, 834, tờ bản đồ số 40 và thửa đất số 950 tờ bản đồ số 47, khu phố L, phường H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, không thế chấp cho ai. Anh T đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 1065 tờ bản đồ số 47, khu phố L, phường H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Đối với số tiền 120.000.000 đồng anh T yêu cầu chia là hoàn toàn không có nên chị không đồng ý chia cho anh T số tiền 60.000.000 đồng.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ tiền hụi chết của bà Nguyễn Thị L1 là 54.000.000 đồng và nợ tiền hụi chết của bà Lý Hồng L là 32.000.000 đồng. Tất cả tiền hốt hụi chị đều đưa cho anh T để làm sân cho nhà mẹ chồng và anh T tiêu xài. Nay chị yêu cầu anh T cùng có trách nhiệm trả cho bà L1 số tiền 54.000.000 đồng và trả cho bà L số tiền 32.000.000 đồng tiền hụi chết, chị không đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của bà L1 và bà L.

Đối với số tiền nợ của Ngân hàng Chính sách xã hội chị không có vay nên không đồng ý trả.

Chị không đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn Đ đối với phần đất ông Đ và bà D đang xây nhà ở trên thửa

đất số 1065 tờ bản đồ số 47, khu phố L, phường H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh vì vợ chồng ông Đ tự ý xây nhà, không được sự đồng ý của chị. Khi vợ chồng ông Đ xây nhà, chị nghĩ là xây trên đất của vợ chồng ông Đ nên chị không ngăn cản. Vì vợ chồng chị đã cho vợ chồng ông Đ một phần đất ngang khoảng 15 mét giáp với đất của vợ chồng chị, trong đó bao gồm 01 cái đìa thuộc thửa số 24, tờ bản đồ số 47. Nay chị yêu cầu ông Đ trả lại giá trị quyền sử dụng đất mà vợ chồng ông Đ đang sử dụng theo giá Hội đồng định giá đã định.

Theo Đơn khởi kiện bổ sung, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phan Văn T trình bày:

Anh T thừa nhận lời trình bày của chị G về thời gian chung sống, con chung là đúng. Tuy nhiên, chị G đã bỏ ra sống riêng và vợ chồng ly thân là từ năm 2018 đến nay. Nay anh đồng ý ly hôn với chị G.

Về tài sản chung: 04 phần đất chị G trình bày là của mẹ anh cho vợ chồng để vợ chồng có trách nhiệm phụng dưỡng mẹ và cúng giỗ. Đối với phần đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 47 là vợ chồng chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đ. Nay chị G bỏ đi và yêu cầu ly hôn, không chăm sóc mẹ anh nên anh đồng ý trả lại toàn bộ các quyền sử dụng đất còn lại cho mẹ anh, không đồng ý chia cho chị G. Ngoài ra, vợ chồng có số tiền 120.000.000 đồng là tiền bán đất, chị G giữ và khi bỏ nhà đi chị G mang theo số tiền này, anh yêu cầu chị G chia cho anh số tiền 60.000.000 đồng.

Về nợ chung: Số tiền nợ hụi của bà L và bà L1 anh không có tham gia, anh có biết chị G có tham gia chơi hụi của bà L và bà L1 nhưng chị G hốt hụi tự tiêu xài riêng không có đưa tiền cho anh nên anh không đồng ý cùng chị G trả nợ cho bà L và bà L1. Vợ chồng có vay Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền 12.000.000 đồng để xây nhà tắm nhà vệ sinh trong nhà của vợ chồng, số tiền này đã vay từ khi vợ chồng còn sống chung nhưng khi đến hạn không có tiền để trả nên cứ đáo hạn rồi vay lại kéo dài đến nay. Nay anh yêu cầu chị G cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

Anh đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn Đ đối với phần đất ông Đ đang xây nhà ở trên thửa đất số 1065 tờ bản đồ số 47, khu phố L, phường H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Hiện anh đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1065 tờ bản đồ số 47, khu phố L, phường H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, không thế chấp cho ai.

Theo Đơn yêu cầu độc lập, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Đ trình bày:

Ông là anh ruột của anh T. Năm 2018, vợ chồng anh T, chị G có chuyển nhượng cho vợ chồng ông một phần đất diện tích ngang 15 mét, dài 39 mét, bao gồm thửa số 24, 1055, tờ bản đồ số 47, giá chuyển nhượng là 23.000.000 đồng/mét ngang, vợ chồng ông đã trả đủ tiền cho vợ chồng anh T và làm thủ tục tách giấy xong. Tuy nhiên, do phần đất đó có một cái đìa, vợ chồng ông không xây nhà được nên mẹ ông kêu vợ chồng anh T cho vợ chồng ông thêm một phần đất ngang khoảng 05mét, dài khoảng 39mét trong thửa số 1065, tờ bản đồ số 47, khu phố L, phường H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh do vợ chồng anh T đứng tên giáp với phần vợ chồng ông nhận chuyển nhượng để vợ chồng ông xây nhà ở, vì nguồn gốc đất là của cha mẹ ông cho vợ chồng anh T. Nhưng do đất xéo nên phần vợ chồng ông xây nhà có chiều ngang giáp đường đất khoảng 7mét, chiều ngang phía sau khoảng 3mét. Hiện vợ chồng ông đã xây nhà ở trên đất từ năm 2019 đến nay. Việc vợ chồng anh T tặng cho đất cho ông chỉ bằng lời nói, không làm giấy tờ gì. Sau khi xây nhà xong, ông yêu cầu vợ chồng anh T tách giấy cho ông thì chị G không đồng ý nên chưa tách giấy được.

Nay ông yêu cầu chị G và anh T tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông đối với phần đất ông đang xây nhà ở trong thửa số 1065 tờ bản đồ số 47, khu phố L, phường H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Theo Đơn yêu cầu độc lập, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị C trình bày:

Bà là mẹ ruột của anh T. Vào khoảng năm 2015, do bà đã lớn tuổi và sống chung nhà với anh T và chị G, chính vì vậy bà đã tặng cho anh T và chị G các quyền sử dụng đất tọa lạc tại các thửa đất số 614, 834, tờ bản đồ số 40 và thửa đất số 950, 1065 tờ bản đồ số 47, khu phố L, phường H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, mục đích để vợ chồng anh T và chị G phụng dưỡng bà khi tuổi già và thờ cúng. Sau khi vợ chồng anh T được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ chăm sóc, phụng dưỡng bà được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn nên không chăm sóc, phụng dưỡng bà nữa.

Nay anh T và chị G ly hôn, không thể hoàn thành nghĩa vụ khi nhận tặng cho quyền sử dụng đất nên bà yêu cầu hủy các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà với vợ chồng anh T, chị G và yêu cầu anh T, chị G trả lại cho bà các quyền sử dụng đất tọa lạc tại các thửa đất số 614, 834, tờ bản đồ số 40 và thửa đất số 950, 1065 tờ bản đồ số 47, khu phố L, phường H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra, bà không còn yêu cầu gì khác.

Theo Đơn yêu cầu độc lập, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1 trình bày:

Năm 2019, chị G có tham gia 02 dây hụi do bà làm chủ thảo, cụ thể:

- Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui ngày 10-4-2019, gồm 22 phần, hụi mãn vào ngày 10-01-2021, chị G tham gia 01 phần. Tháng 5-2019 chị G hốt hụi, sau khi hốt hụi chị G đóng hụi chết cho bà đến tháng 7-2020 thì ngưng, hiện còn nợ lại 07 tháng hụi chết là 14.000.000 đồng;

- Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui ngày 10-12-2019, gồm 27 phần, hụi mãn vào ngày 10-02-2022, chị G tham gia 01 phần. Tháng 5-2020 chị G hốt hụi, sau khi hốt hụi chị G đóng hụi chết cho bà đến tháng 7-2020 thì ngưng, hiện còn nợ lại 20 tháng hụi chết là 40.000.000 đồng;

Tổng cộng cả 02 dây hụi chị G còn nợ bà 54.000.000 đồng tiền hụi chết. Từ tháng 7-2020 đến nay, bà đã đóng choàng tiền hụi chết của chị G cho các hụi viên khác.

Nay bà yêu cầu chị G trả cho bà số tiền 54.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ tháng 7-2020 đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm.

Theo Đơn yêu cầu độc lập, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Hồng L trình bày:

Năm 2019, chị G có tham gia chơi 03 dây hụi do bà làm chủ thảo, cụ thể:

- Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, khui ngày 20-10-2019, gồm 27 phần, hụi mãn vào ngày 20-12-2021, chị G tham gia 01 phần. Tháng 11-2019 chị G hốt hụi, sau khi hốt hụi chị G đóng hụi chết cho bà đến tháng 7-2020 thì ngưng, hiện còn nợ lại 18 tháng hụi chết là 18.000.000 đồng;

- Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, khui ngày 20-02-2020, gồm 27 phần, hụi mãn vào ngày 20-4-2022, chị G tham gia 01 phần. Tháng 5-2020 chị G hốt hụi, sau khi hốt hụi chị G đóng hụi chết cho bà đến tháng 7-2020 thì ngưng, hiện còn nợ lại 22 tháng hụi chết là 22.000.000 đồng;

- Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, khui ngày 20-4-2020, gồm 27 phần, hụi mãn vào ngày 20-6-2022, chị G tham gia 01 phần. Chị G hốt đầu, sau khi hốt hụi chị G đóng hụi chết cho bà đến tháng 7-2020 thì ngưng, hiện còn nợ lại 24 tháng hụi chết là 24.000.000 đồng.

Tổng cộng cả 03 dây hụi chị G còn nợ bà 64.000.000 đồng tiền hụi chết. Từ tháng 7-2020 đến nay, bà đã đóng choàng tiền hụi chết của chị G cho các hụi viên khác.

Bà cung cấp chứng cứ chứng minh là các giấy đăng hụi có chữ ký của chị G, nhưng chị G không thừa nhận chữ ký trong các giấy đăng hụi là do chị G ký và chỉ đồng ý trả cho bà số tiền 32.000.000 đồng.

Nay bà L chấp nhận theo yêu cầu của chị G, bà chỉ yêu cầu chị G trả số tiền 32.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ tháng 7-2020 đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm.

Theo Đơn yêu cầu độc lập ngày 06-12-2022, người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội – ông Lê Nguyễn Anh H trình bày:

Vào ngày 20-01-2022, anh T có vay vốn chương trình tín dụng Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Trảng Bàng với tổng số tiền là 12.000.000 đồng. Tính đến ngày 06-12-2022, anh T và chị G còn nợ số tiền là 12.000.000 đồng và tiền lãi phải trả là 47.343 đồng.

Nay Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Trảng Bàng yêu cầu anh T và chị G có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 06-12-2022 tổng cộng là 12.047.343 đồng.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Bà là vợ của ông Đ. Năm 2019, vợ chồng anh T, chị G có chuyển nhượng cho vợ chồng bà một phần đất diện tích ngang 15m, dài khoảng 42m, trị giá 200.000.000 đồng, vợ chồng bà đã trả đủ tiền cho vợ chồng anh T và làm thủ tục tách giấy xong. Tuy nhiên, do phần đất đó có một cái ao, vợ chồng bà không xây nhà được nên mẹ anh T kêu vợ chồng anh T cho vợ chồng bà thêm một phần đất ngang phía trước khoảng 7mét, ngang phía sau khoảng 3mét, dài khoảng 39mét để vợ chồng bà xây nhà. Hiện vợ chồng bà đã xây nhà và đang quản lý, sử dụng phần đất này đến nay.

Phần đất này là của bên chồng cho nên bà để anh T và ông Đ tự giải quyết, bà không có ý kiến gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 157, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 45, 55, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 166, 468, 470, 471, 502, 503 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; Điều 11, 12, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lý Thị G và anh Phan Văn T.

2. Về con chung: Cháu Phan Tuấn K, sinh ngày 29-02-2004 hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Lý Thị G đối với anh Phan Văn T.

3.1. Anh Phan Văn T được quyền sử dụng các quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất sau:

- Quyền sử dụng đất diện tích 2.000m^2 (đo đạc thực tế diện tích 2.087,8m^2), loại đất LUC tọa lạc tại các thửa đất số 614, 834, tờ bản đồ số 40, khu phố L, phường H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp thửa 633 dài 24,29m;

Phía Tây giáp đường đất dài 20,13m + 3m;

Phía Nam giáp thửa số 632 dài 61,8m; giáp thửa số 652 dài 29,21m;

Phía Bắc giáp thửa 597 dài 58,8m; giáp thửa 634 dài 28,29m.

- Quyền sử dụng đất diện tích 1.329m^2 (đo đạc thực tế diện tích 1.270,8m^2), loại đất BHK, tọa lạc tại thửa đất số 950, tờ bản đồ số 47, khu phố L, phường H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đường đất dài 14,1m;

Phía Tây giáp thửa số 22 dài 33,45m;

Phía Nam giáp thửa số 22 dài 2,8m; giáp thửa số 933 dài 13,8m + 35,3m + 3,5m;

Phía Bắc giáp nghĩa địa dài 11,12m + 35,57m.

- Quyền sử dụng đất diện tích 420,3m^2 (trong đó có 100m^2 loại đất ODT và 320,3m^2 loại đất BHK) tọa lạc tại thửa đất số 1065, tờ bản đồ số 47, khu phố L, phường H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp phần còn lại của thửa 1065 (phần ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc D sử dụng) dài 42,86m;

Phía Tây giáp thửa 1064 dài 41,44m;

Phía Nam giáp thửa số 23 dài 8,67m;

Phía Bắc giáp đường đất dài 8,24m.

(*Có sơ đồ bản vẽ kèm theo*)

3.2. Buộc anh Phan Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho chị Lý Thị G số tiền 573.852.000 (Năm trăm bảy mươi ba triệu tám trăm năm mươi hai nghìn) đồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C về việc "Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất" đối với chị Lý Thị G và anh Phan Văn T đối với các quyền sử dụng đất tọa lạc tại các thửa đất số 950, 1065, tờ bản đồ số 47 và các thửa đất số 614, 834, tờ bản đồ số 40, khu phố L, phường H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Đ về việc "Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất" đối với chị Lý Thị G và anh Phan Văn T.

Ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc D được quyền sử dụng phần đất diện tích 215,6m^2 (trong đó có 100m^2 loại đất ODT và 115,6m^2 loại đất BHK) trong thửa đất số 1065, tờ bản đồ số 47, khu phố L, phường H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp thửa 1055 dài 44,32m;

Phía Tây giáp phần còn lại của thửa 1065 dài 42,86m;

Phía Nam giáp thửa số 23 dài 3m;

Phía Bắc giáp đường đất dài 7,1m.

(*Có sơ đồ bản vẽ kèm theo*)

Ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc D có nghĩa vụ trả cho anh Phan Văn T số tiền 91.577.000 (Chín mươi mốt triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn) đồng.

Kiến nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CS11830, CS11829, CS11827 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 06-8-2015 cho chị Lý Thị G và anh Phan Văn T để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự theo quyết định của bản án.

6. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L1 và bà Lý Hồng L "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" đối với chị Lý Thị G.

Chị Lý Thị G có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L1 số tiền 68.910.000 (Sáu mươi tám triệu chín trăm mười nghìn) đồng.

Chị Lý Thị G có nghĩa vụ trả cho bà Lý Hồng L số tiền 40.755.000 (Bốn mươi triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn) đồng.

7. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Anh Phan Văn T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền 12.047.000 (Mười hai triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 28-4-2023, chị Lý Thị G làm đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm theo hướng xác định số tiền nợ hụi của bà L, bà L1 là nợ chung của vợ chồng, không đồng ý trả tiền lãi đối với số tiền nợ hụi; chị G yêu cầu được chia tài sản chung bằng hiện vật. Cụ thể, chị yêu cầu được chia phần đất diện tích 420,3m^2 tại thửa đất số 1065 và phần đất diện tích 1.329m^2 (đo đạc thực tế diện tích 1.270,8m^2) tại thửa đất số 950, tờ bản đồ số 47, khu phố L, phường H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị G đồng ý bù trừ theo tỷ lệ chia tài sản chung 1/3.

Tại phiên toà phúc thẩm, chị Lý Thị G giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư Phạm Thanh Đ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị G trình bày: chị G kháng cáo yêu cầu được chia đất vì hiện nay chị G đang ở nhà thuê, không có đất nào khác. Về tiền nợ hụi đề nghị Hội đồng xét xử không tính tiền lãi suất và chấp nhận tiền vốn còn nợ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa;

+ Về nội dung: chị G yêu cầu được chia 1/3 giá trị đất và được cấp sơ thẩm chấp nhận, chị G kháng cáo xin được chia đất. Xét thấy phần đất chị G yêu cầu được chia có diện tích 1.329m^2 (đo đạc thực tế diện tích 1.270,8m^2), loại đất BHK, tọa lạc tại thửa đất số 950, tờ bản đồ số 47, khu phố L, phường H, thị xã Trảng Bàng trên đất có các ngôi mộ của ông, bà anh T; phần diện tích đất 420,3m^2 (trong đó có 100m^2 loại đất ODT và 320,3m^2 loại đất BHK) tọa lạc tại thửa đất số 1065, tờ bản đồ số 47, khu phố L, phường H, thị xã Trảng Bàng tại phiên tòa phúc thẩm anh T trình bày đã sang nhượng cho người khác để thanh toán tiền cho chị G.

Về tiền hụi Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị G trả tiền vốn còn nợ và tiền lãi theo lãi suất chậm trả là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị G, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà G trong thời hạn luật định nên chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà G, thấy rằng:

[2.1] Đối với số tiền hụi: bà L và bà L1 xác định chị G là người trực tiếp chơi hụi, hốt hụi và yêu cầu chị G trả tiền hụi chết và lãi suất theo quy định của pháp luật tính đến ngày mở phiên toà sơ thẩm, không yêu cầu anh T trả nợ. Tuy nhiên, chị G yêu cầu Toà án xác định là nợ chung của vợ chồng vì số tiền hốt hụi chị G đưa hết cho anh T để sửa sân cho nhà mẹ ruột anh T và anh T tiêu xài. Anh T không thừa nhận lời trình bày của chị G. Tại phiên toà, chị G không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền hốt hụi dùng để chi tiêu chung trong gia đình. Chị G không nhớ đã tham gia các dây hụi nào, khui hụi và hốt hụi vào ngày nào, tuy nhiên bà L1 và bà L cung cấp các danh sách hụi viên của các dây hụi chị G tham gia khui vào năm 2019 và năm 2020, và các lần chị G hốt hụi đều trong năm 2019 và năm 2020. Tại biên bản hoà giải ngày 16-02-2023, chị G và anh T đều thống nhất thời điểm vợ chồng đã ly thân vào năm 2019. Do đó có căn cứ xác định số tiền nợ hụi chết của bà L và bà L1 là nợ riêng của chị G nên chị G có trách nhiệm trả.

Do các dây hụi chị G tham gia đều đã mãn và bà L, bà L1 đã đóng choàng tiền hụi của chị G cho các hụi viên khác, vì vậy yêu cầu tính lãi của bà L và bà L1 là có căn cứ, Toà án cấp sơ thẩm buộc chị G trả số tiền lãi là đúng pháp luật.

[2.2] Tại cấp phúc thẩm chị G kháng cáo yêu cầu chia tài sản chung bằng hiện vật. Cụ thể:

- Quyền sử dụng đất diện tích 420,3m^2 (trong đó có 100m^2 loại đất ODT và 320,3m^2 loại đất BHK) tọa lạc tại thửa đất số 1065, tờ bản đồ số 47, khu phố L, phường H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Quyền sử dụng đất diện tích 1.329m^2 (đo đạc thực tế diện tích 1.270,8m^2), loại đất BHK, tọa lạc tại thửa đất số 950, tờ bản đồ số 47, khu phố L, phường H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Chị G đồng ý thanh toán giá trị tài sản theo tỉ lệ chia tài sản chung 1/3.

Chị G và anh T đều thừa nhận nguồn gốc các quyền sử dụng đất trên là do mẹ ruột anh T bà Phạm Thị C tặng cho chung vợ chồng nên chị G yêu cầu được chia 1/3 giá trị tài sản chung là phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Đối với thửa đất số 950, tờ bản đồ số 47, hiện trên đất có 02 ngôi mộ của gia đình anh T; phần diện tích đất 420,3m^2 (trong đó có 100m^2 loại đất ODT và 320,3m^2 loại đất BHK) tọa lạc tại thửa đất số 1065, tờ

bản đồ số 47, khu phố L, phường H, thị xã Trảng Bàng tại phiên tòa phúc thẩm anh T trình bày đã sang nhượng cho người khác để thanh toán tiền cho chị G.

Xét thấy, cấp sơ thẩm giao cho anh T được quyền sử dụng các thửa đất số 950, 1065, tờ bản đồ số 47, toạ lạc tại khu phố L, phường H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh và các tài sản trên đất, anh T có nghĩa vụ thanh toán cho chị G 1/3 giá trị tài sản chung là 573.852.000 đồng là có căn cứ và đã đảm bảo quyền lợi cho chị G.

[3] Từ các nội dung phân tích như trên, chị Lý Thị G kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận.

[4] Do không chấp nhận kháng cáo nên chị G phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Không nhận kháng cáo của chị Lý Thị G;

- Giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 18/2023/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 157, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ vào Điều 45, 55, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 166, 468, 470, 471, 502, 503 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; Điều 11, 12, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lý Thị G và anh Phan Văn T.

2. Về con chung: Cháu Phan Tuấn K, sinh ngày 29-02-2004 hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Lý Thị G đối với anh Phan Văn T.

3.1. Anh Phan Văn T được quyền sử dụng các quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất sau:

- Quyền sử dụng đất diện tích 2.000m^2 (đo đạc thực tế diện tích 2.087,8m^2), loại đất LUC tọa lạc tại các thửa đất số 614, 834, tờ bản đồ số 40, khu phố L, phường H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp thửa 633 dài 24,29m;

Phía Tây giáp đường đất dài 20,13m + 3m;

Phía Nam giáp thửa số 632 dài 61,8m; giáp thửa số 652 dài 29,21m;

Phía Bắc giáp thửa 597 dài 58,8m; giáp thửa 634 dài 28,29m.

- Quyền sử dụng đất diện tích 1.329m^2 (đo đạc thực tế diện tích 1.270,8m^2), loại đất BHK, tọa lạc tại thửa đất số 950, tờ bản đồ số 47, khu phố L, phường H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đường đất dài 14,1m;

Phía Tây giáp thửa số 22 dài 33,45m;

Phía Nam giáp thửa số 22 dài 2,8m; giáp thửa số 933 dài 13,8m + 35,3m + 3,5m;

Phía Bắc giáp nghĩa địa dài 11,12m + 35,57m.

- Quyền sử dụng đất diện tích 420,3m^2 (trong đó có 100m^2 loại đất ODT và 320,3m^2 loại đất BHK) tọa lạc tại thửa đất số 1065, tờ bản đồ số 47, khu phố L, phường H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp phần còn lại của thửa 1065 (phần ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc D sử dụng) dài 42,86m;

Phía Tây giáp thửa 1064 dài 41,44m;

Phía Nam giáp thửa số 23 dài 8,67m;

Phía Bắc giáp đường đất dài 8,24m.

(*Có sơ đồ bản vẽ kèm theo*)

3.2. Buộc anh Phan Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho chị Lý Thị G số tiền 573.852.000 (Năm trăm bảy mươi ba triệu tám trăm năm mươi hai nghìn) đồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C về việc "Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất" đối với chị Lý Thị G và anh Phan Văn T đối với các quyền sử dụng đất tọa lạc tại các thửa đất số 950, 1065, tờ bản đồ số 47 và các thửa đất số 614, 834, tờ bản đồ số 40, khu phố L, phường H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Đ về việc "Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất" đối với chị Lý Thị G và anh Phan Văn T.

Ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc D được quyền sử dụng phần đất diện tích 215,6m^2 (trong đó có 100m^2 loại đất ODT và 115,6m^2 loại đất BHK)

trong thửa đất số 1065, tờ bản đồ số 47, khu phố L, phường h, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp thửa 1055 dài 44,32m;

Phía Tây giáp phần còn lại của thửa 1065 dài 42,86m;

Phía Nam giáp thửa số 23 dài 3m;

Phía Bắc giáp đường đất dài 7,1m.

(*Có sơ đồ bản vẽ kèm theo*)

Ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc D có nghĩa vụ trả cho anh Phan Văn T số tiền 91.577.000 (Chín mươi mốt triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn) đồng.

Kiến nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CS11830, CS11829, CS11827 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 06-8-2015 cho chị Lý Thị G và anh Phan Văn T để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự theo quyết định của bản án.

6. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L1 và bà Lý Hồng L "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" đối với chị Lý Thị G.

Chị Lý Thị G có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L1 số tiền 68.910.000 (Sáu mươi tám triệu chín trăm mười nghìn) đồng.

Chị Lý Thị G có nghĩa vụ trả cho bà Lý Hồng L số tiền 40.755.000 (Bốn mươi triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn) đồng.

7. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Anh Phan Văn T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền 12.047.000 (Mười hai triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

8. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chị Lý Thị G phải chịu 1.900.000 (Một triệu chín trăm nghìn) đồng (ghi nhận đã nộp xong). Anh Phan Văn T có nghĩa vụ trả cho chị Lý Thị G số tiền 3.800.000 (Ba triệu tám trăm nghìn) đồng.

9. Án phí sơ thẩm:

9.1. Chị Lý Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng; án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung là 26.954.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm về việc trả nợ là 5.483.000 đồng, tổng cộng là 32.737.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 10.300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014666 ngày 13 tháng 10 năm 2020 và số tiền 2.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026403 ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Chị G còn phải nộp 19.937.000 (Mười chín triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

9.2. Anh Phan Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung là 46.431.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm về việc trả nợ là 602.000 đồng, tổng cộng là 47.033.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015208 ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Anh T còn phải nộp 45.533.000 (Bốn mươi lăm triệu năm trăm ba mươi ba nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

9.3. Ông Phan Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026899 ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Ông Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

9.4. Ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 4.579.000 (Bốn triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

9.5. Bà Phạm Thị C được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

9.6. Ngân hàng Chính sách xã hội không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

9.7. Bà Nguyễn Thị L1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà L1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.350.000 (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015218 ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

9.8. Bà Lý Hồng L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.600.000 (Một triệu sáu trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015217 ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

10. Án phí phúc thẩm:

Chị Lý Thị G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0027199 ngày 28-4-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị G đã nộp xong.

11. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- TAND Tx Trảng Bàng;
- Chi cục THADS Tx Trảng Bàng;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án DSPT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Hữu Chiến